

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023 của
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh
tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính
phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ
phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2022-2026;*

*Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Gia Lai về phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển
triển 05 năm giai đoạn 2022-2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 142/TTr-STC ngày 30 tháng 3
năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023
của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku với những nội dung chính sau đây:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Các chỉ tiêu về sản phẩm chủ yếu:

+ Diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng: 7.417,60 ha

+ Khối lượng khai thác gỗ rừng trồng: đạt 7.874 m³

+ Diện tích đất do đơn vị quản lý, bảo vệ: 9.208,78 ha

- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

+ Vốn chủ sở hữu: 26.684,42 triệu đồng

- + Tổng doanh thu: 8.927,63 triệu đồng
- + Tổng chi phí: 8.139,32 triệu đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 788,31 triệu đồng
- + Tổng nộp ngân sách nhà nước: 425,18 triệu đồng
- + Kinh phí nhà nước hỗ trợ quản lý bảo vệ rừng: 1.346,04 triệu đồng
- Kế hoạch sử dụng lao động:

Số người quản lý và người lao động bình quân là 30 người/năm.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

Dự kiến tổng giá trị đầu tư phát triển năm 2023 là 5.426,93 triệu đồng từ các nguồn vốn hợp pháp của Công ty, gồm có:

- Đầu tư lâm sinh: 4.546,93 triệu đồng.
- Mua sắm thiết bị (01 xe ô tô, 04 Xe máy, 01 máy photo): 880 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

Điều 2.

1. Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và có giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả gửi về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tham mưu thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định.

2. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku chịu trách nhiệm toàn diện về việc thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển theo đúng trình tự, thủ tục; đúng thẩm quyền; đúng tiêu chuẩn, định mức, quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku theo chức năng nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Lao động – Thương binh và Xã hội; Chủ tịch kiêm Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NL, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Quế

Phụ lục 01: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023
CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP LỢI KU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
A	CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN PHẨM CHỦ YẾU		
I	Cung ứng dịch vụ môi trường rừng	ha	7.417,60
II	Khai thác gỗ rừng trồng	m ³	7.874,00
III	Diện tích đất do đơn vị quản lý, bảo vệ	ha	9.208,78
B	CÁC CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH		
I	Vốn chủ sở hữu	trđ	26.684,42
II	Kế hoạch sản xuất kinh doanh		
1	Tổng doanh thu	trđ	8.927,63
-	Doanh thu SXKD và cung ứng DV	trđ	8.202,63
+	Doanh thu cung ứng DVMTR	trđ	4.029,41
+	Doanh thu bán gỗ rừng trồng	trđ	4.173,22
-	Doanh thu hoạt động tài chính	trđ	720,00
-	Thu nhập khác	trđ	5,00
2	Tổng chi phí	trđ	8.139,32
3	Lợi nhuận trước thuế	trđ	788,31
III	Nộp ngân sách nhà nước	trđ	425,18
1	Thuế môn bài	tr.đ	3,00
2	Thuế GTGT	tr.đ	30,00
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	tr.đ	157,66
4	Thuế thu nhập cá nhân	tr.đ	15,00
5	Tiền thuê đất	tr.đ	6,20
6	Các khoản nộp ngân sách khác nếu có	tr.đ	213,32
IV	Kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng		
1	Diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên đóng cửa rừng	ha	5.384,14
2	Kinh phí	trđ	1.346,04
C	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG		
1	Người quản lý	người	4,00
2	Người lao động	người	26,00

Phụ lục 02: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023
CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP LỢI KU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023)

TT	Nội dung/danh mục đầu tư	Số lượng/ quy mô	Kinh phí
I	Đầu tư lâm sinh		4.546,93 triệu đồng
1	Đầu tư trồng mới rừng sản xuất	203,00 ha	3.227,78 triệu đồng
2	Chăm sóc rừng trồng	163,11 ha	1.100,81 triệu đồng
	<i>Chăm sóc rừng năm thứ 2</i>	<i>106,91 ha</i>	<i>805,98 triệu đồng</i>
	<i>Chăm sóc rừng năm thứ 3</i>	<i>32,31 ha</i>	<i>195,57 triệu đồng</i>
	<i>Chăm sóc rừng năm thứ 4</i>	<i>23,89 ha</i>	<i>99,26 triệu đồng</i>
3	Chăm sóc rừng tái sinh chồi	4,30 ha	19,31 triệu đồng
	<i>Chăm sóc rừng tái sinh chồi năm 3</i>	<i>1,00 ha</i>	<i>5,60 triệu đồng</i>
	<i>Chăm sóc rừng tái sinh chồi năm 4</i>	<i>3,30 ha</i>	<i>13,71 triệu đồng</i>
4	Quản lý bảo vệ rừng trồng	109,66 ha	199,03 triệu đồng
II	Mua sắm thiết bị		880,00 triệu đồng
1	Xe ô tô	1 xe	720,00 triệu đồng
2	Xe gắn máy	4 xe	80,00 triệu đồng
3	Máy photo	1 máy	80,00 triệu đồng
Tổng cộng			5.426,93 triệu đồng